

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ PH- ONG THANH

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT DÂN SỰ VỀ HIỆU LỰC CỦA DI  
CHỨC TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN**

*Chuyên ngành* : Luật dân sự

*Mã số* : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2011

Công trình đ- ợc hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. Phùng Trung Tập

*Phản biện 1:*

*Phản biện 2:*

Luận văn đ- ợc bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn  
tại Trung tâm t- liệu - Th- viện Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm t- liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: CÁC ĐIỀU KIỆN CÓ HIỆU LỰC CỦA DI CHỨC</b>	4
1.1. Tổng quan về di chúc theo pháp luật dân sự	4
1.2. Điều kiện có hiệu lực của di chúc	5
1.2.1. Di chúc do cá nhân lập	5
1.2.1.1. Điều kiện để di chúc được coi là hợp pháp	5
1.2.1.2. Những yêu cầu khác đối với di chúc	15
1.2.2. Hiệu lực của di chúc	18
1.2.2.1. Thời điểm có hiệu lực của di chúc 19	
1.2.2.2. Xác định mức độ có hiệu lực của di chúc	22
1.2.3. Hiệu lực di chúc chung của vợ chồng	27
1.2.4. Những hạn chế về quyền định đoạt của người lập di chúc (theo Điều 669 Bộ luật Dân sự)	32
<b>Chương 2: ÁP DỤNG PHÁP LUẬT DÂN SỰ VỀ HIỆU LỰC CỦA DI CHỨC TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN</b>	37
2.1. Thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp về thừa kế theo di chúc	37
2.2. Các trường hợp tranh chấp về thừa kế theo di chúc và nguyên nhân của nó	41
2.2.1. Tranh chấp giữa người khác với người thừa kế theo di chúc	41
2.2.2. Tranh chấp giữa người thừa kế theo luật với người thừa kế theo di chúc	43
2.2.3. Tranh chấp giữa những người thừa kế theo di chúc với nhau	45
2.3. Thực tiễn giải quyết các tranh chấp về thừa kế theo di chúc	45
2.3.1. Tranh chấp về hiệu lực của di chúc do di chúc miệng nhưng không có hai người làm chứng ghi chép như quy định, tuy là di chúc có điều kiện nhưng Tòa án vẫn xử theo di chúc	46
2.3.2. Tranh chấp về hiệu lực của di chúc miệng và di chúc bằng	48

	văn bản	
2.3.3.	Tranh chấp di sản do các thừa kế có ý kiến khác nhau về di chúc	51
2.3.4.	Tranh chấp về hiệu lực của di chúc do di chúc đã lập không đúng thủ tục mà pháp luật quy định	53
2.3.5.	Tranh chấp do người lập di chúc đã định đoạt cả tài sản của người khác	55
2.3.6.	Tranh chấp thừa kế do di chúc bị hư hỏng không xác định được nội dung	56
2.3.7.	Tranh chấp di sản thừa kế do người làm chứng di chúc không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	57
	<b>Chương 3: HƯỚNG HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA DI CHỨC</b>	60
3.1.	Về vấn đề nội dung của di chúc	60
3.1.1.	Về quyền của người lập di chúc	60
3.1.2.	Về quyền thừa kế	61
3.1.3.	Về người không được quyền hưởng di sản	62
3.1.4.	Về người thừa kế	63
3.2.	Về vấn đề hình thức của di chúc	64
3.2.1.	Về việc từ chối nhận di sản của người thừa kế	64
3.2.2.	Về sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ đối với việc lập di chúc của người tròn mười lăm tuổi nhưng chưa đủ mười tám tuổi	65
3.2.3.	Đối với di chúc có chữ viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu	66
3.2.4.	Về người làm chứng	67
3.2.5.	Về di chúc bằng văn bản không có người làm chứng	67
3.2.6.	Về di chúc có chứng nhận của công chứng Nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	68
3.2.7.	Quy định lại các loại di chúc	69
3.3.	Về hiệu lực của di chúc	70
3.3.1.	Về thời điểm mở thừa kế và thời điểm có hiệu lực của di chúc	70
3.3.2.	Về mức độ hiệu lực của di chúc	71
3.3.3.	Bổ Điều 660 Bộ luật Dân sự: Di chúc bằng văn bản có giá trị như di chúc được công chứng, chứng thực	72
3.3.4.	Về thay thế di chúc	72
3.3.5.	Về di chúc bị thất lạc, hư hại	73
3.3.6.	Về việc giải thích di chúc	74
3.4.	Hiệu lực di chúc chung vợ chồng	75
3.4.1.	Về những định hướng chung	75
3.4.2.	Các kiến nghị cụ thể	78
3.5.	Về Điều 669 của Bộ luật Dân sự: Cách tính 2/3 của một suất thừa kế theo pháp luật	86

3.6.	Sự thống nhất giữa văn bản luật và văn bản hướng dẫn thực hiện luật	88
	<b>KẾT LUẬN</b>	89
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	90

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thừa kế là một chế định quan trọng trong hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam. Khi xã hội càng phát triển, các mối quan hệ kinh tế và xã hội cũng phát triển đa dạng, nếu như trước đây vấn đề thừa kế được điều chỉnh bởi các quy phạm đạo đức, phong tục tập quán thì hiện nay đã chịu sự điều chỉnh trực tiếp của các quy phạm pháp luật về thừa kế.

Chế định thừa kế tuy là một chế định khá hoàn chỉnh trong Bộ luật Dân sự năm 2005 nhưng vẫn còn có những thiếu sót, hạn chế. Theo thống kê của ngành Tòa án trong những năm gần đây, số vụ việc tranh chấp về thừa kế luôn có số lượng lớn và phức tạp trong các tranh chấp về dân sự - điều này là hoàn toàn bình thường trong giai đoạn quá độ chuyển giao giữa hai thời kỳ cũ và mới như ở Việt Nam. Hoàn thiện các quy định về thừa kế là cơ sở để luật đi vào thực tiễn đời sống, là căn cứ để giải quyết các vấn đề liên quan đến thừa kế.

### 2, Tình hình nghiên cứu đề tài

Tính đến thời điểm hiện nay đã có khá nhiều công trình khoa học nghiên cứu về thừa kế được công bố. Các công trình khoa học này thường tập trung nghiên cứu một vấn đề trong thừa kế như: thừa kế theo pháp luật, thừa kế theo di chúc, về di sản thừa kế, thừa kế thế vị, về người thừa kế không được hưởng di sản,...

Các công trình tiêu biểu có thể kể đến là: "*Thừa kế theo pháp luật của công dân Việt Nam từ năm 1945 đến nay*", của Tiến sĩ Phùng Trung Tập, Nhà xuất bản Tư pháp, 2004; "*Luật Thừa kế Việt Nam*", của Tiến sĩ Phùng Trung Tập, Nhà xuất bản Hà Nội, 2008; "*Hoàn thiện quy định về thừa kế trong Bộ luật Dân sự*", của Tiến sĩ Phạm Văn Tuyết, Tạp chí Luật học, số Đặc san về sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự, tháng 11/2003); "*Di chúc và vấn đề hiệu lực của di chúc*", của Tiến sĩ Phạm Văn Tuyết, Tạp chí Luật học, số 6/1995; "*Di sản thừa kế và thời điểm xác lập quyền sở hữu đối với di sản thừa kế*", của Tiến sĩ Nguyễn Minh Tuấn, Tạp chí Luật học, số 11/2007;...

Những công trình nói trên chỉ đề cập đến các vấn đề theo hướng nghiên cứu cụ thể mà chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện vấn đề: Áp dụng pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc trong thực tiễn xét xử

của Tòa án. Do vậy, học viên chọn đề tài *Áp dụng pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc trong thực tiễn xét xử của Tòa án* để làm luận văn Cao học Luật của mình với tính chất chuyên sâu và không có sự trùng lặp với bất kỳ công trình khoa học nào khác về vấn đề này đã được công bố.

### 3. Mục đích, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu đề tài

#### \* Mục đích:

Luận giải để chứng minh những điểm hoàn thiện và chưa hoàn thiện của quy định về điều kiện có hiệu lực của di chúc.

Vấn đề áp dụng pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc trong thực tiễn xét xử của Tòa án: những vướng mắc, khó khăn,...

Đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung để góp phần hoàn thiện các quy định về điều kiện có hiệu lực của di chúc.

#### \* Nhiệm vụ của luận văn

Luận văn có nhiệm vụ phân tích những quy định phù hợp, chưa phù hợp hoặc chưa đồng bộ của Bộ luật Dân sự với các quy định hướng dẫn thực hiện Luật; Thống kê những tranh chấp, khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc thừa kế. Qua đó đưa ra được những giải pháp hoàn thiện.

#### \* Phạm vi nghiên cứu đề tài

Luận văn chỉ nghiên cứu và phân tích các điều kiện có hiệu lực của di chúc theo pháp luật Việt Nam.

### 4. Phương pháp tiếp cận vấn đề

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận văn tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học liên ngành và chuyên ngành; coi trọng phương pháp kết hợp logic với lịch sử, tổng hợp, so sánh, phương pháp chuyên gia; tổng kết thực tiễn,...

### 5. Những điểm mới của luận văn

Trên cơ sở phân tích ưu nhược điểm của những quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của di chúc, luận văn đề cập đến thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp về thừa kế theo di chúc, qua đó đề xuất hướng hoàn thiện của pháp luật về hiệu lực di chúc. Luận văn sẽ bám sát thực tế áp dụng luật - cụ thể là việc áp dụng pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc trong thực tiễn xét xử của Tòa án để đưa ra nhận xét cụ thể hơn về

tình hình thực hiện pháp luật về điều kiện có hiệu lực của di chúc, góp phần hoàn thiện chế định thừa kế.

## **6. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Các điều kiện có hiệu lực của di chúc

*Chương 2:* Áp dụng pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc trong thực tiễn xét xử của Tòa án

*Chương 3:* Hướng hoàn thiện của pháp luật về hiệu lực của di chúc.

..

### **Chương 1**

## **CÁC ĐIỀU KIỆN CÓ HIỆU LỰC CỦA DI CHỨC**

### **1.1. Tổng quan về di chúc theo pháp luật dân sự**

Di chúc còn được gọi là chúc thư do cá nhân còn sống tự nguyện lập ra với mục đích dịch chuyển tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho người còn sống khác, sau khi người lập di chúc chết.

### **1.2. Điều kiện có hiệu lực của di chúc**

#### **1.2.1. Di chúc do cá nhân lập**

##### *1.2.1.1. Điều kiện để di chúc được coi là hợp pháp*

##### *a) Người lập di chúc phải có năng lực chủ thể*

Người lập di chúc theo quy định tại Điều 647 Bộ luật dân sự phải là người từ đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 có thể lập di chúc nếu được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc.

Để có sự rõ ràng, thống nhất trong cách hiểu của người dân, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần phải có quy định cụ thể: Sự đồng ý hay không đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ đối với việc lập di chúc của người từ tròn mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi phải được thể hiện trước khi di chúc được lập bằng một văn bản riêng.

##### *b) Người lập di chúc tự nguyện*

Tự nguyện của người lập di chúc được hiểu là sự thống nhất giữa ý chí và sự bày tỏ ý chí của họ. Sự thống nhất trên chính là sự thống nhất giữa

mong muốn chủ quan - mong muốn bên trong của người lập di chúc với hình thức thể hiện ra bên ngoài sự mong muốn đó. Cụ thể, sẽ bị coi là không có sự thống nhất nói trên nếu di chúc được lập ra trong những trường hợp sau:

- Di chúc được lập ra khi người lập di chúc không còn minh mẫn, sáng suốt

- Di chúc được lập ra dưới sự tác động của người khác

Di chúc sẽ bị coi là không có tính tự nguyện khi được lập trong những trường hợp sau đây: Người lập di chúc bị đe dọa; Người lập di chúc bị lừa dối; Người lập di chúc bị cưỡng ép.

##### *c) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội*

Việc lập di chúc có nội dung không trái pháp luật của một người mới chỉ là việc họ thực hiện bổn phận của một công dân. Ngoài bổn phận công dân, họ còn phải thực hiện bổn phận làm người. Đạo làm người đòi hỏi các cá nhân khi lập di chúc phải luôn hướng tới phong tục tập quán truyền thống nhân bản và tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết trong cộng đồng gia đình cũng như trong cộng đồng dân tộc. Vì vậy nếu nội dung di chúc có nội dung trái với đạo đức xã hội cũng sẽ bị coi là không hợp pháp.

##### *d) Hình thức của di chúc không trái quy định của pháp luật*

Chỉ những di chúc lập ra đúng với hoàn cảnh mà pháp luật đã dự liệu cũng như phù hợp với thủ tục, trình tự mà pháp luật đã quy định đối với từng loại di chúc tương ứng thì di chúc đó mới được coi là đã thỏa mãn các điều kiện này.

##### *1.2.1.2. Những yêu cầu khác đối với di chúc*

*a) Yêu cầu đối với người chứng nhận, chứng thực và người làm chứng di chúc*

Người làm chứng cho việc lập di chúc có thể là cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con của người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc nhưng không thể là người chứng nhận, chứng thực di chúc được.

*b) Yêu cầu đối với việc xác định sự minh mẫn, sáng suốt của người lập di chúc*

Về nguyên tắc, tất cả các di chúc đều được coi là do người để lại di sản lập ra trong khi minh mẫn, sáng suốt. Muốn tránh sự tranh chấp nói trên thì tốt nhất người để lại di sản nên lập di chúc thông qua thủ tục có chứng nhận, chứng thực. Nếu không thể lập di chúc theo thể thức nói trên thì người lập di chúc cần nhờ người làm chứng xác nhận vào di chúc về tình trạng minh mẫn, sáng suốt của mình.

c) *Yêu cầu đối với sự kiện được coi là điều kiện trong di chúc có điều kiện*

Nếu người lập di chúc có xác định về một sự kiện là điều kiện của di chúc thì chỉ khi nào sự kiện đó xuất hiện thì di chúc mới có hiệu lực.

Mặt khác, nếu người lập di chúc có đưa ra một điều kiện đối với người hưởng di sản thì chỉ khi nào người đó đáp ứng được các điều kiện này mới được hưởng di sản theo di chúc.

### **1.2.2. Hiệu lực của di chúc**

#### **1.2.2.1. Thời điểm có hiệu lực của di chúc**

- Đối với di chúc do một người lập ra: Theo quy định tại Điều 667 Bộ luật dân sự, di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế.

- Về di chúc chung của vợ chồng và hiệu lực của di chúc do vợ chồng lập chung: Luận văn trình bày ở mục 1.1.3 của chương này.

Cái chết của người để lại di sản được xác định theo thời điểm nếu người đó chết một cách thực tế (chết sinh học).

Cái chết của người để lại di sản cũng có thể được xác định theo ngày Tòa án tuyên bố là đã chết (chết pháp lý). Theo quy định tại Điều 81 Bộ luật dân sự thì "ngày người đó đã chết" được xác định theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp thứ nhất: Là ngày được Tòa án xác định trong quyết định tuyên bố là đã chết.

- Trường hợp thứ hai: Là ngày quyết định tuyên bố cá nhân là đã chết của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

#### **1.2.2.2. Xác định mức độ có hiệu lực của di chúc**

##### **a) Di chúc không có hiệu lực do bất hợp pháp**

Nếu di chúc vi phạm một trong các điều kiện đã được quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự sẽ bị coi là không có hiệu lực. Tuy nhiên có những trường hợp sự vi phạm làm cho di chúc bị vô hiệu toàn bộ nhưng cũng có những trường hợp sự vi phạm các điều kiện mà pháp luật đã quy định chỉ làm cho di chúc không có hiệu lực một phần.

##### **b) Di chúc hợp pháp nhưng không có hiệu lực do các nguyên nhân khác**

Di chúc dấu hợp pháp vì đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện mà pháp luật đã quy định nhưng vẫn không có hiệu lực pháp luật khi có một trong hai nguyên nhân sau:

- Do nguyên nhân chủ quan (người lập di chúc thay đổi ý chí)

- Do nguyên nhân khách quan

### **1.2.3. Hiệu lực di chúc chung của vợ chồng**

Trong thực tế, có nhiều trường hợp khi còn sống vợ, chồng cùng nhau lập di chúc để định đoạt khối tài sản chung của họ. Nhưng nếu một người chết trước thì vấn đề hiệu lực của di chúc chung sẽ được xác định theo Điều 668 Bộ luật dân sự. Mặc dù vậy, việc xác định di chúc chung của vợ chồng phát sinh tại một thời điểm người sau cùng chết lại phát sinh những vấn đề phức tạp khác sau đây:

*Thứ nhất:* việc phải chia thừa kế nhiều lần đối với di sản của người vợ hay chồng chết trước, sẽ gây khó khăn cho các bên liên quan và cho cả các cơ quan tiến hành tố tụng.

*Thứ hai:* quy định về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung như luật hiện hành sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế của người vợ hay chồng chết trước.

*Thứ ba:* gây khó khăn cho việc xác định phạm vi những người thừa kế và tư cách của người được thừa hưởng di sản.

*Thứ tư:* sự mâu thuẫn giữa quy định về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng với các quy định khác có liên quan trong hệ thống pháp luật.

*Thứ năm:* việc xác định di chúc chung có hiệu lực vào thời điểm bên sau cùng chết sẽ làm ảnh hưởng đến thời hiệu khởi kiện thừa kế đối với di sản của người chết trước.

*Thứ sáu:* ảnh hưởng đến sự bảo toàn giá trị của khối di sản là tài sản chung.

### **1.2.4. Những hạn chế về quyền định đoạt của người lập di chúc (theo Điều 669 Bộ luật dân sự)**

Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân, ý chí là sự tự do tự nguyện của con người, tuy nhiên không phải là sự tự do tuyệt đối, tự do đó phải phù hợp với nguyên tắc tôn trọng truyền thống, đạo đức. Pháp luật quy định về những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc (Điều 669 Bộ luật dân sự).

Điều 669 Bộ luật dân sự đã có sự thành công khi xếp lại danh mục những người được hưởng di sản một cách khoa học, trong mọi trường hợp thì bố, mẹ, vợ, chồng của người chết đều hưởng một phần di sản ít nhất bằng hai phần ba của một suất thừa kế theo luật.

Việc xác định một suất thừa kế trong thực tế không đơn giản, cần lưu ý những người sau đây có được coi là nhân suất hay không:

- Người không được quyền hưởng di sản theo khoản 1 Điều 643 Bộ luật dân sự.

- Người thừa kế theo Điều 669 Bộ luật dân sự bị người để lại di chúc truất quyền hưởng di sản.

- Người từ chối nhận di sản.

Di chúc hợp pháp là di chúc không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, có đủ các điều kiện quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự, tuy nhiên người để lại di sản cũng bị hạn chế ý chí khi Điều 669 Bộ luật dân sự quy định về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc.

## **Chương 2**

### **ÁP DỤNG PHÁP LUẬT DÂN SỰ VỀ HIỆU LỰC CỦA DI CHỨC TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN**

#### **2.1. Thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp về thừa kế theo di chúc**

Theo số liệu thống kê hàng năm (từ năm 1996 đến 2000) của Tòa án nhân dân tối cao:

Năm 1996, toàn ngành Tòa án đã thụ lý sơ thẩm 3.145 vụ án thừa kế, đã giải quyết 1.624 vụ, trong đó tạm đình chỉ và đình chỉ 395 vụ, chuyển cơ quan có thẩm quyền 112 vụ, hòa giải thành 302 vụ. Thụ lý phúc thẩm của toàn ngành năm 1996 (thiếu số liệu 03 tháng cuối năm của Tòa phúc thẩm Tòa án tối cao tại Đà Nẵng) là 910 vụ, đã giải quyết 589 vụ, sửa toàn bộ án sơ thẩm 73 vụ, hủy án và đình chỉ 111 vụ, hủy án chuyển cơ quan có thẩm quyền 08 vụ, còn lại là các hình thức giải quyết khác.

Năm 1997, toàn ngành Tòa án đã thụ lý sơ thẩm 2.053 vụ án thừa kế, giải quyết 1.696 vụ, trong đó tạm đình chỉ, đình chỉ, rút đơn 642 vụ, chuyển cơ quan có thẩm quyền 90 vụ, hòa giải thành 235 vụ, xét xử 719 vụ. Trong năm 1997, toàn ngành đã thụ lý phúc thẩm 590 vụ án về thừa kế (không có số liệu của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng), đã giải quyết 512 vụ, trong đó giữ nguyên án sơ thẩm 131 vụ, sửa một phần án sơ thẩm 126 vụ,

sửa toàn bộ án sơ thẩm 29 vụ, hủy án và đình chỉ tố tụng 22 vụ, hủy để xét xử lại 57 vụ, chuyển cơ quan khác 08 vụ, còn lại là các hình thức giải quyết khác.

Năm 1998, toàn ngành Tòa án thụ lý sơ thẩm 1.055 vụ án thừa kế, đã giải quyết 663 vụ, trong đó đình chỉ, tạm đình chỉ, cho rút đơn 219 vụ, chuyển cơ quan có thẩm quyền 34 vụ, hòa giải thành 112 vụ, xét xử 268 vụ. Trong năm 1998 thụ lý phúc thẩm toàn ngành là 226 vụ, đã giải quyết 153 vụ, trong đó giữ nguyên án sơ thẩm 54 vụ, sửa một phần án sơ thẩm 46 vụ, sửa toàn bộ án sơ thẩm 12 vụ, hủy án và đình chỉ 03 vụ, còn lại là các hình thức giải quyết khác.

Năm 1999, toàn ngành thụ lý sơ thẩm 2.234 vụ thừa kế, đã giải quyết 1.190 vụ, trong đó tạm đình chỉ, đình chỉ, cho rút đơn 390 vụ, chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết 78 vụ, hòa giải thành 235 vụ, xét xử 487 vụ.

Năm 2000 (theo số liệu 09 tháng), toàn ngành đã thụ lý sơ thẩm 1.438 vụ, đã giải quyết 917 vụ trong đó tạm đình chỉ, đình chỉ, cho rút đơn 331 vụ, chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết 52 vụ, hòa giải thành 133 vụ, xét xử 401 vụ. Số vụ thụ lý phúc thẩm toàn ngành là 464 vụ (số liệu 09 tháng), đã giải quyết 322 vụ, trong đó giữa nguyên án sơ thẩm 115 vụ, sửa một phần bản án sơ thẩm 84 vụ, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm 37 vụ, hủy án và đình chỉ 12 vụ, hủy bản án để xét xử lại 49 vụ, hủy bản án và chuyển cơ quan khác 04 vụ, còn lại là các hình thức giải quyết khác.

#### **2.2. Các trường hợp tranh chấp về thừa kế theo di chúc và nguyên nhân của nó**

##### **2.2.1. Tranh chấp giữa người khác với người thừa kế theo di chúc**

Tranh chấp này thường xảy ra do những nguyên nhân sau:

- Do người lập di chúc định đoạt toàn bộ khối tài sản chung theo phần giữa họ với người khác.

- Do người lập di chúc định đoạt toàn bộ khối tài sản chung hợp nhất của vợ chồng.

- Do người lập di chúc đã định đoạt các tài sản mà mình đang thuê, đang mượn hoặc đang ở nhờ nhà của người khác.

##### **2.2.2. Tranh chấp giữa người thừa kế theo luật với người thừa kế theo di chúc**

Một số nguyên nhân chính và thường gặp trong thực tế tranh chấp về thừa kế theo di chúc là:

- Do người lập di chúc không có năng lực hành vi dân sự.

- Do thiếu tính tự nguyện của người lập di chúc.

- Do tính xác thực của di chúc: Lý do: Người lập di chúc không theo đúng trình tự lập mà pháp luật đã quy định; hình thức thể hiện của di chúc không đúng với quy định của pháp luật; về người chứng nhận, chứng thực, người làm chứng di chúc.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp giữa những người có quyền lợi chính đáng với những người thừa kế theo di chúc cũng có thể xuất phát từ việc người lập di chúc định đoạt tài sản của mình cho người khác nhưng vượt quá phạm vi cho phép.

### **2.2.3. Tranh chấp giữa những người thừa kế theo di chúc với nhau**

Nội dung di chúc không chặt chẽ, có nhiều người hưởng di sản, họ lại không có sự nhường nhịn nhau, mỗi người cố tình hiểu và giải thích nội dung của di chúc theo hướng có lợi cho mình nhất. Vì vậy, tranh chấp tất yếu sẽ xảy ra.

## **2.3. Thực tiễn giải quyết các tranh chấp về thừa kế theo di chúc**

**2.3.1. Tranh chấp về hiệu lực của di chúc do di chúc miệng nhưng không có hai người làm chứng ghi chép như quy định, tuy là di chúc có điều kiện nhưng Tòa án vẫn xử theo di chúc**

Bản án số 15/DSST ngày 9/7/1997 của Tòa án nhân dân huyện L.T xử việc chia thừa kế giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Khang, bị đơn là anh Nguyễn Hữu Doanh.

Bản án sơ thẩm số 15 đã bác yêu cầu của anh Nguyễn Văn Khang về anh Dương Hải Lâu đòi chia tài sản của chị Nguyễn Thị Tâm cho cháu Thuyền và cháu Minh.

Bản án phúc thẩm số 59 ngày 11/9/1997, Tòa án nhân dân tỉnh V quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm: Xác nhận khối di sản của chị Tâm theo biên bản định giá ngày 23/4/1997 gồm 100 đoạn hoành bạch đàn trị giá 800.000 đồng, ba quả giang 150.000 đồng, bạch đàn quy củi 700.000 đồng, ba gian nhà 150.000 đồng, cây lâm lộc 410.000 đồng, đất thổ cư 1.812 m<sup>2</sup>.

Tạm giao cho anh Doanh quản lý, sử dụng khối di sản của chị Tâm.

Bác yêu cầu của anh Khang, anh Lâu đòi chia di sản của chị Tâm cho cháu Thuyền và cháu Minh.

### **2.3.2. Tranh chấp về hiệu lực của di chúc miệng và di chúc bằng văn bản**

Bản án dân sự sơ thẩm số 102/DSST ngày 22/12/1997 của Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm xử tranh chấp về tài sản thừa kế giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Hà và bị đơn Nguyễn Văn Quang đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hà.

- Bà Nguyễn Thị Hà được sở hữu căn nhà tại xóm 2 thôn Đông, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm.

- Ông Nguyễn Văn Phú, ông Nguyễn Văn Quang, anh Nguyễn Văn Quý có trách nhiệm giao lại căn nhà tại xóm 2 thôn Đông, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm cho bà Nguyễn Thị Hà ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 23/12/1997, ông Phú, ông Quang, anh Quý kháng cáo. Bản án dân sự phúc thẩm số 84/PTDS ngày 12/7/1998 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Bác yêu cầu của bà Hà.

- Giao căn nhà tại xóm 2 thôn Đông, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm cho anh Nguyễn Văn Quý quản lý để thờ cúng theo di chúc miệng của cụ Hòa.

### **2.3.3. Tranh chấp di sản do các thừa kế có ý kiến khác nhau về di chúc**

Vụ tranh chấp di sản thừa kế giữa ông Nguyễn Hào Xuân và ông Nguyễn Hào Hùng.

Bản án sơ thẩm số 31/DSST ngày 25/7/1996 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa chấp nhận di chúc hợp pháp một phần, tức là phần di sản của cụ Nam, xử chia thừa kế theo di chúc, phần di sản của cụ Dịu chia thừa kế theo pháp luật.

Bản án phúc thẩm số 71/DSPT ngày 24/10/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không chấp nhận di chúc và y án sơ thẩm về phần công chăm sóc bố mẹ, công duy trì bảo quản di sản nên đã chia cho ông Xuân 158.000.000 đồng, ông Hùng 90.000.000 đồng, ông Bình 38.000.000 đồng (như vậy phần này chiếm 1/2 khối di sản của hai cụ).

Quyết định giám đốc thẩm số 403 ngày 22/9/1997 của Tòa Dân sự - Tòa án nhân dân tối cao nhận định: quá trình giải quyết vụ kiện, các bên đương sự không nhất trí về cách hiểu nội dung văn bản chia đất năm 1980 và biên bản giải quyết thắc mắc về đất ở năm 1984, Hội đồng xét xử Tòa Dân sự - Tòa án nhân dân tối cao đã áp dụng Điều 676 Bộ luật Dân sự coi như không có di chúc nên di sản được chia theo pháp luật.

Bản án sơ thẩm (lần 2) số 01/DSST ngày 22/12/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không chấp nhận di chúc.

Bản án phúc thẩm (lần 2) số 110/DSPT ngày 31/8/2000 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội không chấp nhận di chúc và vẫn giữ nguyên phần thanh toán công chăm sóc bố mẹ, công duy trì, bảo quản di sản.

#### ***2.3.4. Tranh chấp về hiệu lực của di chúc do di chúc đã lập không đúng thủ tục mà pháp luật quy định***

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 10/01/2002 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử việc chia thừa kế giữa nguyên đơn là ông Trần Tiến Tùng, trú tại thôn Lương Châu, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội với bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu Trang, cũng trú tại thôn Lương Châu, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét thấy di chúc mà chị Trang xuất trình là do chị Trang trực tiếp viết và có hai người là ông Lê Hà và ông Trần Đức Thắng ký làm chứng. Tòa sơ thẩm không chấp nhận di chúc do chị Trang xuất trình nên di sản của bà Loan được chia thừa kế theo pháp luật.

Chị Loan kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo trình tự phúc thẩm bằng bản án số 70/DSPT ngày 23/4/2002. Tại bản án này, Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận di chúc của bà Loan lập ngày 02/10/2000 do chị Trang xuất trình. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, di sản của bà Loan được chia thừa kế theo pháp luật.

#### ***2.3.5. Tranh chấp do người lập di chúc đã định đoạt cả tài sản của người khác***

Bản án số 02/DSST của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã xét xử việc tranh chấp chia thừa kế giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mật với bị đơn là ông Nguyễn Văn Hai.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Mật và quyết định:

- Tách phần di sản của cụ Đình trong khối tài sản chung của cụ với cụ Vui. Phần di sản này được chia thừa kế theo luật.

- Xác định ông Nguyễn Văn Cả chết năm 1998 và chia thừa kế theo luật đối với di sản của ông Cả.

- Xác định cụ Vui chết năm 2000 và chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ Vui cho ông Nguyễn Văn Hai.

Ông Nguyễn Văn Hai làm đơn kháng cáo. Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Tại bản án số 78/DSPT, Hội đồng xét xử cũng đã xác định việc cụ Vui lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản (trong đó có cả phần tài sản của cụ Đình) là không đúng pháp luật, nên di chúc của cụ Vui chỉ được chấp nhận một phần. Di sản của cụ Vui trị giá 21.222.778 đồng được chia theo di chúc cho ông Hai được hưởng.

#### ***2.3.6. Tranh chấp thừa kế do di chúc bị hư hỏng không xác định được nội dung***

Bản án số 28/DSST của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - Hà Nội đã xử vụ tranh chấp thừa kế giữa nguyên đơn là ông Đình Phú Vượng và bị đơn là ông Đình Phú Thịnh.

Tại bản án số 28/DSST, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã xử:

- Xác nhận 1.087 m<sup>2</sup> đất thổ cư và sáu gian nhà cấp 4, 01 gian bếp, 01 sân gạch ở thôn Đoài, xã Phú Minh là tài sản của cụ Lê và cụ Thơm, trị giá 58.109.900 đồng.

- Không chấp nhận di chúc của cụ Thơm để lại mà ông Vượng đã xuất trình trước Tòa vì đã bị cháy không đọc được nội dung nên toàn bộ di sản mà các cụ để lại được chia cho các thừa kế theo luật.

Ông Vượng có đơn kháng cáo. Trong bản án số 111/DSPT, Hội đồng xét xử đã nhận định: Cụ Đình Lê chết năm 1977 không để lại di chúc; Cụ Nguyễn Thị Thơm chết năm 1988; Toàn bộ nhà đất mà gia đình ông Vượng đang sử dụng là của cụ Lê, cụ Thơm để lại hiện còn nguyên thủy.

#### ***2.3.7. Tranh chấp di sản thừa kế do người làm chứng di chúc không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật***

Bản án số 03/DSST ngày 26/4/20002 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã chia thừa kế giữa nguyên đơn là chị Trần Thu Thủy với bị đơn là anh Nguyễn Đình Chiến.

Tòa sơ thẩm đã chấp nhận di chúc miệng của ông Hải và cho chị Thủy cùng anh Chiến hưởng theo di chúc ngôi nhà số 300 đường Khuất Duy Tiến. Phần di sản còn lại của ông Hải không được định đoạt trong di chúc nên được chia theo pháp luật.

Anh Chiến kháng cáo. Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Hội đồng xét xử không chấp nhận di chúc này nên đã sửa án sơ thẩm. Di sản thừa kế mà ông Hải để lại được chia theo luật.

Có thể thấy rằng, do tính ổn định không cao của pháp luật dân sự, quan điểm giải quyết khác nhau giữa các ngành, giữa các thẩm phán...nên các vụ án tranh chấp thừa kế theo di chúc còn phải xử đi, xử lại nhiều lần.

Bộ luật dân sự ra đời là một thuận lợi rất lớn cho công tác xét xử, song vẫn còn có những quy định pháp luật chưa thật nhất quán, có điểm chưa hợp lý hoặc chưa chặt chẽ, rõ ràng nên khó áp dụng, có vấn đề lại chưa được Bộ luật dân sự quy định.

Có một số thẩm phán ở địa phương do trình độ còn hạn chế, nên đôi khi trong điều tra, xét xử còn phạm những sai lầm rất sơ đẳng, cũng có những thẩm phán ở Tòa án cấp trên do trình độ không hơn thẩm phán cấp dưới nên việc cãi, sửa, hủy án, y án chưa chuẩn xác. Bên cạnh đó, cũng có những thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm, ngại đi điều tra, nên hồ sơ làm rất sơ sài, nghiên cứu hồ sơ không kỹ, không chịu khó nghiên cứu văn bản, không cập nhật kịp thời các văn bản mới. Mặc dù có cải tiến chế độ tiền lương cho thẩm phán nhưng lương của họ vẫn không hợp lý, không đủ đảm bảo cuộc sống, do vậy các thẩm phán vẫn chưa thật toàn tâm toàn ý với nghề...Những điều này cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các vụ án thừa kế.

### **Chương 3**

## **HƯỚNG HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA DI CHỨC**

### **3.1. Về vấn đề nội dung của di chúc**

#### **3.1.1. Về quyền của người lập di chúc**

##### **a) Về Điều 647 Bộ luật dân sự**

Cần sửa đổi khoản 1 Điều 647 Bộ luật dân sự như sau: "1. Người đã thành niên có quyền lập di chúc, trừ trường hợp người đó bị bệnh tâm thần, hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà không được sự đồng ý của người giám hộ".

##### **b) Về Điều 648 Bộ luật dân sự**

Điều 648 Bộ luật dân sự quy định về quyền của người lập di chúc.

Ngoài ra, người lập di chúc còn có các quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc được ghi nhận trong Điều 662 Bộ luật dân sự - Đây đều là các quyền của người lập di chúc nhưng lại được ghi nhận bởi hai điều luật là không hợp lý, không cần thiết. Vì vậy, nên quy định gộp hai Điều 648 và 662 vào với nhau.

#### **3.1.2. Về quyền thừa kế**

Điều 631 Bộ luật dân sự cần quy định lại như sau:

Điều 631. Quyền thừa kế của cá nhân

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Các chủ thể khác có quyền hưởng di sản theo di chúc do người khác để lại.

#### **3.1.3. Về người không được quyền hưởng di sản**

Điều 643 Bộ luật dân sự cần quy định lại như sau:

Điều 643. Người không được quyền hưởng di sản

1- Người thừa kế theo luật của người để lại di sản không được quyền hưởng di sản nếu đã bị người đó truất quyền hưởng di sản bằng một di chúc có hiệu lực pháp luật.

2- Những người thừa kế sau đây cũng không được quyền hưởng di sản:

a) Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó;

b) Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản;

c) Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm đến tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng;

d) Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc; sửa chữa di chúc; hủy di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.

3- Những người quy định tại khoản 2 Điều này vẫn được hưởng di sản, nếu người để lại di sản đã biết hành vi của những người đó, nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc.

### **3.1.4. Về người thừa kế**

Điều 635 Bộ luật dân sự cần phải sửa lại như sau:

Điều 635. Người thừa kế

1- Người thừa kế là cá nhân được hưởng di sản mà người chết để lại theo quy định của pháp luật hoặc theo di chúc của người để lại di sản.

2- Người thừa kế phải là người còn sống (nếu là cá nhân) hoặc phải còn tồn tại (nếu là cơ quan, tổ chức) vào thời điểm mở thừa kế.

3- Cá nhân là người thừa kế theo luật sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế, phải là người đã thành thai trước khi người để lại di sản chết.

### **3.2. Về vấn đề hình thức của di chúc**

#### **3.2.1. Về việc từ chối nhận di sản của người thừa kế**

Điều 642 Bộ luật dân sự cần quy định lại như sau:

Điều 642. Từ chối nhận di sản

1- Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

2- Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm mở thừa kế. Người từ chối phải gửi văn bản từ chối cho cho những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản, cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm mở thừa kế về việc từ chối nhận di sản.

3- Thời hạn từ chối nhận di sản là sáu tháng kể từ ngày mở thừa kế đối với thừa kế theo pháp luật, là sáu tháng kể từ ngày công bố di chúc đối với thừa kế theo di chúc. Sau sáu tháng, nếu không có từ chối nhận di sản thì được coi là đồng ý nhận thừa kế.

#### **3.2.2. Về sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ đối với việc lập di chúc của người tròn mười lăm tuổi nhưng chưa đủ mười tám tuổi**

Việc hướng dẫn có thể theo hướng sau:

- Sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ là ý kiến của họ về việc cho hay không cho người tròn mười lăm tuổi nhưng chưa đủ mười tám tuổi lập di chúc. Việc này phải được thể hiện trong một văn bản riêng và phải được thể hiện trước khi di chúc được lập.

- Nếu di chúc đã được lập mà cha, mẹ hoặc người giám hộ của người lập di chúc tuy biết nhưng không có ý kiến gì thì coi như họ đã đồng ý cho lập di chúc và vì vậy di chúc đó sẽ được coi là hợp pháp.

- Nếu cha, mẹ hoặc người giám hộ không đồng ý việc lập di chúc của những người chưa đủ mười tám tuổi sau khi đã nắm bắt được nội dung của di chúc, vì sự định đoạt trong nội dung của di chúc ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người không đồng ý, thì di chúc đó vẫn được coi là có hiệu lực pháp luật.

#### **3.2.3. Đối với di chúc có chữ viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu**

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần ban hành văn bản để hướng dẫn quy định trên theo hướng sau:

- Nếu chữ viết tắt, viết bằng ký hiệu trong di chúc được tất cả những người thừa kế cùng thống nhất hiểu theo một nghĩa thì việc viết tắt, viết bằng ký hiệu đó không ảnh hưởng đến hiệu lực của di chúc.

- Nếu những người thừa kế không nhất trí về cách hiểu chữ viết tắt, viết bằng ký hiệu thì phần di chúc liên quan đến chữ viết tắt, viết bằng ký hiệu không có hiệu lực pháp luật và phần di sản liên quan được dịch chuyển cho người thừa kế theo quy định của pháp luật.

#### **3.2.4. Về người làm chứng**

Điều 654 Bộ luật dân sự cần sửa đổi bổ sung như sau:

Điều 654. Người làm chứng cho việc lập di chúc

Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây:

1- Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc, mà việc làm chứng nhằm đem lại lợi ích cho mình;

2- Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc;

3- Người chưa đủ mười tám tuổi, người không có năng lực hành vi dân sự.

#### **3.2.5. Về di chúc bằng văn bản không có người làm chứng**

Điều 655 Bộ luật dân sự cần được sửa đổi như sau:

Điều 655. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng

Người lập di chúc phải ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ rõ ràng vào bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 653 của Bộ luật này.

### **3.2.6. Về di chúc có chứng nhận của công chứng Nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

Điều 657 Bộ luật dân sự chỉ quy định việc chứng nhận của công chứng Nhà nước hoặc của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng thực vào bản di chúc, do người lập di chúc lập ra, mà chưa đề cập trường hợp công chứng viên hoặc người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ghi lại lời di chúc của người để lại di sản đã được quy định ở Điều 658 Bộ luật dân sự. Do đó, nên bổ sung thêm vào Điều 658 Bộ luật dân sự.

### **3.2.7. Quy định lại các loại di chúc**

Để việc quy định các loại di chúc một cách có hệ thống, thiết nghĩ chỉ cần quy định bốn loại di chúc như sau:

- Di chúc miệng (để nguyên Điều 651 Bộ luật dân sự).
- Di chúc tự lập (sửa lại Điều 655 Bộ luật dân sự theo kiến nghị tại mục 3.2.5 trên đây).

- Di chúc bằng văn bản có người làm chứng (để nguyên Điều 656 Bộ luật dân sự).

- Di chúc có chứng nhận của công chứng hoặc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

### **3.3. Về hiệu lực của di chúc**

#### **3.3.1. Về thời điểm mở thừa kế và thời điểm có hiệu lực của di chúc**

Cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về vấn đề này theo hướng sau đây:

- Đối với người bị tuyên bố là đã chết vì biệt tích quá lâu ngày mà không rõ lý do thì ngày chết của họ được xác định là ngày tròn năm năm kể từ khi có tin tức cuối cùng về sự sống còn của họ.

- Đối với người bị tuyên bố là đã chết là người đã bị tuyên bố mất tích thì ngày chết của họ được xác định là ngày tròn ba năm kể từ khi quyết định tuyên bố mất tích có hiệu lực pháp luật.

- Đối với người bị tuyên bố là đã chết vì không xác định được là còn sống hay đã chết sau vụ tai nạn, thiên tai, thảm họa thì ngày chết của họ được xác định là ngày tròn một năm kể từ khi vụ tai nạn, thiên tai, thảm họa đó chấm dứt.

- Đối với người bị tuyên bố là đã chết vì mất tích trong chiến tranh thì ngày chết của họ được xác định là ngày tròn năm năm kể từ khi cuộc chiến tranh đó kết thúc.

Cần quy định lại khoản 1 Điều 667 Bộ luật dân sự như sau: "Di chúc có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế, trừ trường hợp người lập di chúc đã xác định di chúc có hiệu lực vào thời điểm khác".

#### **3.3.2. Về mức độ hiệu lực của di chúc**

Điều 667. Hiệu lực pháp luật của di chúc

1- Di chúc có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế, trừ trường hợp người lập di chúc đã xác định di chúc có hiệu lực vào thời điểm khác.

2- Phần di chúc liên quan đến người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được chỉ định là người thừa kế không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế; người thừa kế theo di chúc không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản; phần di sản không còn vào thời điểm mở thừa kế sẽ không có hiệu lực pháp luật.

3- Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật.

4- Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực pháp luật.

#### **3.3.3. Bổ Điều 660 Bộ luật dân sự: Di chúc bằng văn bản có giá trị như di chúc được công chứng, chứng thực**

Có thể coi di chúc có xác nhận là di chúc có hiệu lực pháp luật nhưng không thể coi là có giá trị như di chúc có chứng nhận, chứng thực. Bên cạnh đó, ngay cả khi không có xác nhận thì di chúc bằng văn bản vẫn được coi là có hiệu lực pháp luật nếu di chúc đó là do chính người để lại di sản tự nguyện lập ra trong trường hợp minh mẫn, sáng suốt - đã được quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự. Vì vậy, không cần quy định thêm Điều 660.

#### **3.3.4. Về thay thế di chúc**

Khoản 5 Điều 667 Bộ luật dân sự cũng cần phải sửa lại như sau: Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ căn cứ vào bản di chúc tự nguyện và có hiệu lực pháp luật sau cùng để phân chia di sản.

### **3.3.5. Về di chúc bị thất lạc, hư hại**

Khoản 2 Điều 666 Bộ luật dân sự là bất hợp lý và trái với tinh thần chung của pháp luật về thừa kế. Khoản 2 Điều 666 cần được quy định lại như sau: Trong thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, nếu tìm thấy di chúc thì di sản có thể được chia theo di chúc.

### **3.3.6. Về việc giải thích di chúc**

Cần quy định người có thẩm quyền giải thích di chúc là cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế với nhau - như thế mới đảm bảo được tính đúng đắn, khách quan và minh bạch của nội dung di chúc cần giải thích.

## **3.4. Hiệu lực di chúc chung vợ chồng**

### **3.4.1. Về những định hướng chung**

a) *Cần tách vấn đề di chúc chung của vợ, chồng ra khỏi quy định chung về di chúc cá nhân và thiết kế thành một mục mới trong Bộ luật dân sự 2005*

Cần quy định về di chúc chung vợ chồng sẽ được thiết kế thành một mục riêng - mục 2 của Chương thừa kế theo di chúc trong Bộ luật dân sự 2005. Theo đó, Chương thừa kế theo di chúc sẽ có hai mục là: mục 1 quy định chung về di chúc và thừa kế theo di chúc; mục 2 quy định về di chúc chung của vợ, chồng. Bên cạnh đó, các quy định về di chúc chung của vợ chồng phải được quy định sao cho nhất quán với các quy định khác có liên quan.

b) *Cần có cách tiếp cận mềm dẻo hơn về vấn đề thời điểm có hiệu lực của di chúc chung*

Nhà làm luật cần quán triệt quan điểm xem di chúc chung của vợ, chồng như là trường hợp đặc biệt của di chúc cá nhân, là sự cộng lại của hai di chúc cá nhân, có tính đến sự đặc thù về hiệu lực của quan hệ hôn nhân giữa những người lập di chúc chung, cũng như đối tượng của di chúc ở đây là tài sản chung của vợ, chồng.

c) *Ngoài việc quy định rõ ràng về các trường hợp cụ thể đặc thù của di chúc chung, pháp luật cần giải quyết các vấn đề bất cập phát sinh từ việc thừa nhận các đặc thù đó*

Việc dự liệu các tình huống trên một mặt khắc phục những bất cập của quy định hiện hành về vấn đề hiệu lực của di chúc chung, đồng thời qua đó cũng hoàn thiện việc xây dựng một mục riêng để quy định về vấn đề di chúc chung vợ chồng, như đã kiến nghị ở mục a trên đây.

### **3.4.2. Các kiến nghị cụ thể**

#### **a) Về di sản thừa kế chưa chia**

Đây là vấn đề cần được quan tâm, vì tính chất của di sản thừa kế không đơn thuần là loại tài sản nhất định nào đó mà di sản trước hết là tài sản gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản (Điều 163 Bộ luật dân sự).

b) *Sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung theo hướng dự liệu cả trường hợp có thỏa thuận và không thỏa thuận giữa vợ, chồng về thời điểm này*

Điều 668 Bộ luật dân sự 2005 được sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Điều 668 (sửa đổi, bổ sung): Hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng:

"Khi có một bên vợ hoặc chồng chết trước mà vợ, chồng không có thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung thì chỉ phần di chúc chung có liên quan đến phần di sản của người chết trước được định đoạt trong di chúc chung có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận trong di chúc chung về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm người sau cùng chết, thì di sản được định đoạt trong di chúc chung của vợ, chồng chỉ được phân chia từ thời điểm đó. Việc thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của di chúc chung không làm ảnh hưởng đến quyền thừa kế của những người thừa kế hợp pháp khác của các bên vợ, chồng trong việc yêu cầu tòa án bảo vệ quyền thừa kế hợp pháp của mình khi một bên vợ hoặc chồng chết trước".

c) *Bổ sung quy định về thời điểm có hiệu lực của phần di chúc do một bên sửa đổi, bổ sung mà không được sự đồng ý của người kia*

Sửa đổi Điều 664 Bộ luật dân sự 2005 như sau:

Điều 664: "1. (nội dung khoản 1 giữ nguyên).

Khoản 2. (sửa đổi, bổ sung): "Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia. Một bên cũng có quyền tự mình sửa đổi, bổ sung di chúc chung trong phạm vi phần di sản của mình. Việc sửa đổi, bổ sung di chúc chung theo ý chí của một bên chỉ có giá trị trong phạm vi phần sửa đổi, bổ sung nhưng không vượt quá phần tài sản của người đó trong khối tài sản chung".

Khoản 3. (kế thừa quy định của Điều 671 Bộ luật dân sự 1995): "Nếu vợ, chồng thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm người sau cùng chết, mà có một bên vợ chồng đã chết, thì người vợ hay chồng còn sống chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình".

Khoản 4. (bổ sung quy định mới về hiệu lực của phần di chúc chung bị sửa đổi, bổ sung và phần không bị sửa đổi, bổ sung): "Thời điểm có hiệu lực của phần di chúc chung không bị sửa đổi, bổ sung và phần di chúc chung bị sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của vợ, chồng được xác định theo Điều 668 Bộ luật này. Phần di chúc chung đã bị sửa đổi, bổ sung bởi quyết định đơn phương của một bên vợ hoặc chồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 667 Bộ luật này".

*d) Bổ sung thêm quy định về thời điểm có hiệu lực của các di chúc có liên quan, nếu vợ hoặc chồng hoặc cả hai vợ, chồng để lại nhiều di chúc khác nhau*

Điều 688 a. (bổ sung mới) "Nếu một người vừa lập di chúc chung, vừa lập di chúc riêng hoặc lập nhiều di chúc chung với nhiều người khác nhau, thì việc xác định giá trị pháp lý của mỗi tờ di chúc được dựa theo quy định tại các Điều 662, Điều 664, khoản 5 Điều 667 và Điều 688 của Bộ luật này".

*e) Cần quy định rõ ràng về hệ quả của việc xác định thời điểm có hiệu lực của di chúc chung với việc tính thời hiệu khởi kiện thừa kế*

Điều 645 (bổ sung):

"1. (Nội dung quy định hiện hành được giữ nguyên và thiết kế thành khoản 1 của Điều luật).

Khoản 2. (bổ sung): Thời hiệu khởi kiện thừa kế được bắt đầu lại trong các trường hợp sau:

a. Khi vợ, chồng có thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm bên sau cùng chết, thì thời hiệu khởi kiện thừa kế bắt đầu lại từ ngày di chúc chung có hiệu lực".

### **3.5. Về điều 669 của Bộ luật dân sự: Cách tính 2/3 của một suất thừa kế theo pháp luật**

Để đảm bảo cách tính thống nhất khi áp dụng Điều 669 Bộ luật dân sự, các nhà làm luật cần có hướng dẫn rõ ràng cụ thể cách tính 2/3 của một suất thừa kế theo pháp luật để người dân có thể áp dụng thống nhất đúng đắn. Đây là điều cần thiết vì thực tế cuộc sống có rất nhiều trường hợp việc định đoạt di sản thừa kế của người lập di chúc bị chi phối bởi Điều 669 Bộ luật dân sự.

### **3.6. Sự thống nhất giữa văn bản luật và văn bản hướng dẫn thực hiện luật**

Để đáp ứng hơn nữa sự phát triển chung của xã hội, những mối quan hệ thừa kế ngày càng phức tạp, thì chế định về thừa kế càng cần phải hoàn chỉnh hơn, việc hướng dẫn thực hiện luật cũng cần phải dễ hiểu và bám sát hơn các quy định của Bộ luật dân sự, tránh tình trạng văn bản luật và văn bản hướng dẫn thực hiện luật đối kháng, mâu thuẫn với nhau.

## **KẾT LUẬN**

Thừa kế theo di chúc đang ngày được hoàn thiện, là hành lang pháp lý quan trọng để người dân tự do thể hiện ý chí định đoạt tài sản của mình sau khi chết.

Quyền thừa kế của công dân Việt Nam từ năm 1945 đến nay không ngừng được củng cố, mở rộng và được bảo vệ theo các nguyên tắc nhất quán là tôn trọng ý chí của công dân trong việc định đoạt tài sản của mình cho người thừa kế. Pháp luật cũng bảo vệ quyền của những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng trong việc định đoạt tài sản thừa kế. Là một trong những căn cứ xác lập quyền sở hữu tài sản của công dân, quyền thừa kế của công dân ở nước ta từ năm 1945 đến nay được pháp luật bảo đảm thực hiện ngày càng triệt để hơn. Tính nhất quán trong các quy định của pháp luật và các nguyên tắc pháp luật thừa kế ở Việt Nam theo tiến trình phát triển của pháp luật dân sự nói chung, của những quy định về quyền thừa kế của công dân Việt Nam nói riêng qua các thời kỳ phát triển đã và đang là động lực thúc đẩy sản xuất tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội mà ở đó quyền thừa kế của công dân được đảm bảo thực hiện cũng được xem là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra điều kiện phát triển các quan hệ xã hội.

Với nhiệm vụ đặt ra là phân tích những quy định phù hợp, chưa phù hợp hoặc chưa đồng bộ của Bộ luật Dân sự với các quy định hướng dẫn thực hiện Luật; thống kê những tranh chấp, khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc thừa kế. Qua đó đưa ra được những giải pháp hoàn thiện, học viên hy vọng luận văn phân nào đạt được mục đích. Việc áp dụng pháp luật dân sự về hiệu lực của di chúc trong thực tiễn xét xử của Tòa án cần được tổng kết, rút kinh nghiệm thường xuyên để tránh những sai sót, bất cập. Những quy định cần đi vào thực tế cuộc sống, từ thực tế mà được bổ sung, hoàn thiện hơn, như vậy mới linh hoạt và có tính ứng dụng cao.